

NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN BIỂN VỊNH NHA TRANG

NGUYỄN THỊ KIM ANH, TRẦN KHÁNH

Tóm tắt: Khu bảo tồn biển (KBTB) vịnh Nha Trang được thành lập từ năm 2002 với 2 mục tiêu: “Bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) biển có tầm quan trọng Quốc tế và đang bị đe dọa và giúp các cộng đồng dân cư tại các đảo nâng cao đời sống và cộng tác với các bên liên quan khác để bảo vệ và quản lý có hiệu quả ĐDSH biển tại KBTB vịnh Nha Trang, tạo nên một mô hình hợp tác quản lý cho các KBTB của Việt Nam”. Sau một thời gian hoạt động, để xem xét mức độ đạt được các mục tiêu đặt ra của KBTB hiện nay, các tác giả đã tiến hành nghiên cứu hiệu quả quản lý KBTB vịnh Nha Trang. Với việc kết hợp 3 phương pháp nghiên cứu: phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra xã hội và phương pháp thống kê mô tả kết hợp với so sánh, các tác giả đã tiến hành nghiên cứu tại 4 nhóm đảo: Bích Đầm, Vũng Ngán, Hòn Một và Đầm Bảy thông qua phương pháp phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn sâu vào cuối năm 2008. Kết quả cho thấy, đối với mục tiêu bảo tồn ĐDSH biển thì KBTB vịnh Nha Trang đã thực hiện tốt. Tuy nhiên, mục tiêu giúp các cộng đồng dân cư nâng cao đời sống và cộng tác với các bên liên quan khác thì kết quả mang lại chưa như mong đợi.

Từ khóa: Hiệu quả quản lý, đa dạng sinh học biển, Khu bảo tồn biển

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vào năm 2002, KBTB Hòn Mun (thuộc vịnh Nha Trang) được thiết lập trong khuôn khổ một dự án thử nghiệm cùng tên với sự trợ giúp của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Thế giới (IUCN) và Cơ quan phát triển Quốc tế Đan Mạch (Danida). Đến năm 2004, mở rộng và đổi tên thành KBTB vịnh Nha Trang - là KBTB đầu tiên ở Việt Nam được quản lý và phát triển một cách toàn diện, bao gồm vùng biển và 9 đảo trong vịnh Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cộng đồng dân cư địa phương trong KBTB này chủ yếu ở 6 nhóm đảo thuộc phường Vĩnh Nguyên: Bích Đầm, Đầm Bảy, Hòn Một, Vũng Ngán, Vũng Me và Trí Nguyên. Đến cuối năm 2005, tổng số hộ của 6 nhóm đảo khoảng 1.138 hộ, trong đó có đến 76% số hộ làm nghề đánh bắt hải sản và 6% số hộ làm nghề nuôi trồng hải sản [2]. Với diện tích khoảng 13.000 ha, KBTB vịnh Nha Trang có ĐDSH biển điển hình, đặc biệt là các hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn.

Việc thành lập KBTB vịnh Nha Trang có ý nghĩa rất quan trọng đối với ĐDSH biển

cũng như tình hình kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư địa phương. Vì vậy, các nhà quản lý và hoạch định chính sách cần phải định kỳ đánh giá hiệu quả quản lý để xem xét sự tồn tại của KBTB vịnh Nha Trang có đạt được mục tiêu đặt ra ban đầu hay không. Bài viết này với dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp cộng đồng dân cư địa phương ở KBTB này sẽ giúp trả lời một phần câu hỏi nói trên.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các hộ gia đình sống ở 4 nhóm đảo: Bích Đầm, Đầm Báy, Hòn Một và Vũng Ngán.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý KBTB sử dụng theo đề nghị của Robert S. Pomeroy, John E. Parks and Lani M. Watson [4] và được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1: Các chỉ tiêu về hiệu quả quản lý KBTB

Nhóm	Các chỉ tiêu
1. Các chỉ tiêu về sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Nguồn lợi biển được bảo tồn hoặc bảo vệ ✓ Đa dạng sinh học được bảo tồn ✓ Các loài đặc trưng được bảo tồn ✓ Môi trường sống được bảo vệ ✓ Những khu vực bị suy thoái được phục hồi
2. Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội	<ul style="list-style-type: none"> ✓ An toàn thực phẩm được gia tăng hoặc được duy trì ✓ Kế sinh nhai được gia tăng hoặc duy trì ✓ Lợi ích xã hội ngoài tiền tệ được gia tăng hoặc duy trì ✓ Lợi ích từ KBTB được phân phối công bằng ✓ Sự thích hợp giữa quản lý và văn hóa địa phương là tối đa ✓ Nhận thức và kiến thức về môi trường được gia tăng
3. Các chỉ tiêu về quản lý	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Những cơ cấu tổ chức và chiến lược quản lý hiệu quả được duy trì ✓ Sự tham gia và đại diện một cách có hiệu quả của các đối tượng liên quan phải được đảm bảo ✓ Sự tuân thủ kế hoạch quản lý của người sử dụng nguồn lợi phải được gia tăng ✓ Những mâu thuẫn trong việc sử dụng nguồn lợi phải được quản lý và giảm xuống

Một số phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong quá trình nghiên cứu là: Phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp thống kê mô tả kết hợp với so sánh. Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp và phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Căn cứ vào số hộ gia đình ở địa bàn nghiên cứu và lý thuyết chọn mẫu đã lựa chọn 60 mẫu điều tra vào thời điểm cuối năm 2008. Bên cạnh đó, bổ sung các cuộc phỏng vấn sâu nhằm thu thập ý kiến của một số hộ gia đình về những nguyên nhân của một số tồn tại trong công tác quản lý KBTB.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Một số nhân tố quan trọng đối với việc thiết lập và quản lý KBTB

Kết quả đo lường một số nhân tố quan trọng đối với việc thiết lập và quản lý KBTB đã được trình bày cụ thể ở bảng 2. Ở đây, các tác giả chỉ phân tích một số nhân tố chính làm cơ sở để đưa ra khuyến nghị.

Để thực thi những điều lệ và quy tắc bắt buộc của KBTB đòi hỏi phải có những cưỡng chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi bắt đầu thành lập KBTB thì chỉ có 10% số hộ cho rằng những cưỡng chế này có hiệu quả, trong khi dự án KBTB Hòn Mun hoạt động thì cũng chỉ có 65% số hộ cho rằng có hiệu quả và ngày nay con số này chỉ còn 62%. Ngoài ra, theo kết quả phân tích sâu về nguyên nhân những cưỡng chế có hiệu quả của KBTB hiện nay đã giảm xuống so với trong khi dự án KBTB Hòn Mun hoạt động thì có đến 78% số người trả lời cho rằng do hoạt động tuần tra kiểm soát chưa tốt, 17% là do hải sản ở khu vực được bảo tồn nhiều hơn nên nhiều người vào đánh bắt và 6% cho là do hành xử của đội tuần tra chưa phù hợp nên cộng đồng dân cư không phục tùng.

Kết quả cho thấy, những cơ hội tạo ra thu nhập thay thế / bổ sung không cao. Khi bắt đầu thành lập KBTB chỉ có 18%, trong khi dự án KBTB Hòn Mun hoạt động là 28% và ngày nay là 32%. Qua kết quả phân tích nguyên nhân thì có 34% số người cho rằng những chương trình tạo việc làm chưa phù hợp với ngư dân, 23% cho rằng do việc làm chỉ tạo thu nhập thấp, 20% cho rằng do ngư dân quen những nghề truyền thống, 18% cho rằng do chương trình tạo thu nhập thay thế chưa triển khai rộng và còn lại 5% cho rằng do chưa tạo được những việc làm có thu nhập cao cho người chồng trong gia đình.

Về tư vấn của cộng đồng dân cư địa phương, Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang chưa quan tâm đúng mực đối với các tư vấn của cộng đồng. Tỷ lệ số hộ trả lời có tư vấn của cộng đồng thấp (chưa đến 22% trong tất cả các thời kỳ).

Bảng 2: Kết quả đo lường một số nhân tố quan trọng đối với việc thiết lập và quản lý KBTB

Chỉ tiêu	Bắt đầu thành lập KBTB		Dự án KBTB Hòn Mun đang hoạt động		Thời điểm điều tra (cuối 2008)	
	Có	Không	Có	Không	Có	Không
Có luật pháp ủng hộ KBTB không?	82%	18%	95%	5%	95%	5%
Có hay không một cơ chế quản lý mâu thuẫn trong KBTB?	28%	72%	93%	7%	90%	10%
Có tổ chức cộng đồng (chính thức hay phi chính thức) nào liên kết với KBTB không?	15%	85%	80%	20%	80%	20%
KBTB có đủ tài chính để đạt được mục tiêu của nó?	65%	35%	95%	5%	75%	25%
Có hay không những cường chế hiệu quả để thực thi điều lệ và quy tắc bắt buộc của KBTB?	10%	90%	65%	35%	62%	38%
Có phải KBTB đã nhận được các lời khuyên hoặc ủng hộ từ các nhóm hoặc tổ chức bên ngoài trong việc lập kế hoạch hoặc thực hiện KBTB?	64%	36%	68%	32%	58%	42%
Có hay không chương trình giáo dục và đào tạo kết hợp với KBTB?	22%	78%	48%	52%	55%	45%
Có phải dự án đã nhận được sự tài trợ tài chính từ chính quyền địa phương?	32%	68%	52%	48%	48%	52%
Có những cơ hội tạo ra thu nhập thay thế / bổ sung được tăng lên?	18%	82%	28%	72%	32%	68%
Với việc quan tâm xem xét đến sự phát triển của KBTB, có hay không các tư vấn cộng đồng?	22%	78%	17%	83%	18%	82%
Có sự chia sẻ lợi ích từ KBTB cho các thành viên trong vùng?	5%	95%	12%	88%	12%	88%
Có hay không những người quản lý KBTB chịu trách nhiệm với các thành viên trong vùng không?	2%	98%	7%	93%	7%	93%
Có hay không những nhà lãnh đạo giỏi, người đã thúc đẩy dự án phát triển?	0,0%	100%	7%	93%	5%	95%
Có phải các thành viên trong vùng đã có thể tác động lên quy mô và địa điểm của KBTB?	3%	97%	5%	95%	5%	95%
Có phải lợi ích của các thành viên trong vùng tăng lên vượt quá chi phí của KBTB?	2%	98%	2%	98%	2%	98%

Sự chia sẻ lợi ích từ KBTB cho các thành viên trong vùng cũng là một trong những nhân tố quan trọng đối với việc thiết lập và quản lý KBTB. Nhưng tỷ lệ số hộ cho rằng lợi ích từ KBTB được chia sẻ cho các thành viên trong vùng lại rất thấp, bắt đầu thành lập KBTB chỉ 5%; trong khi dự án KBTB Hòn Mun hoạt động và ngày nay chỉ 12%. Đây là một trong những điểm yếu của KBTB vịnh Nha Trang.

Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ số hộ cho rằng có những người quản lý KBTB chịu trách nhiệm với các thành viên trong vùng là rất thấp. Qua phân tích sâu thì nguyên nhân chủ yếu là do những người quản lý KBTB chưa quan tâm đến kế sinh nhai của những người lao động chính (chiếm 73%), chưa có những chương trình đào tạo nghề cho con em trong vùng (chiếm 23%) và do các chính sách chưa công bằng (chiếm 5%). Bên cạnh đó, nhân tố về nhà lãnh đạo giỏi cũng có kết quả tương tự (tỷ lệ dưới 7%).

2. Kết quả nghiên cứu các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý KBTB

Bằng phương pháp đánh giá chấm điểm theo thang điểm 10 thông qua cảm nhận của người được phỏng vấn và phân tích một số chỉ tiêu chính làm cơ sở để đưa ra khuyến nghị, các kết quả phân tích được mô tả ở bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, kế sinh nhai trước khi KBTB thành lập của cộng đồng dân cư địa phương KBTB vịnh Nha Trang ở mức dưới trung bình. Ngày nay, kế sinh nhai của cộng đồng dân cư địa phương ở đây cũng có phần tăng lên (từ 4,7 điểm đến 5,0 điểm), tuy nhiên mức độ tăng chưa đáng kể.

Về an ninh lương thực - thực phẩm lại có xu hướng giảm xuống. Trước khi KBTB thành lập, mức điểm trung bình theo đánh giá của cộng đồng dân cư địa phương là 5,4 điểm, nhưng ngày nay chỉ còn 5,2 điểm. Theo nhận định của cộng đồng dân cư địa phương thì an ninh lương thực - thực phẩm ở các nhóm đảo có xu hướng giảm xuống là do hải sản khai thác được ít dần (chiếm 49%), dân cư ngày càng đông (chiếm 33%), điều kiện đi lại khó khăn (chiếm 13%) và thời tiết ngày càng khắc nghiệt (chiếm 5%).

Tham gia vào quản lý KBTB vịnh Nha Trang của cộng đồng dân cư địa phương rất hạn chế. Ngày nay, việc tham gia vào quản lý KBTB đã được cải thiện chút ít, tuy nhiên mức độ cải thiện rất ít (từ 1,1 điểm đến 1,9 điểm). Xét về nguyên nhân dẫn đến tồn tại này, cộng đồng dân cư địa phương cho rằng do Ban quản lý KBTB chưa có các chương trình thu hút cộng đồng dân cư địa phương tham gia quản lý KBTB (chiếm 93%) và nguyên nhân còn lại là do trình độ chuyên môn, văn hóa và quản lý của cộng đồng dân cư địa phương còn hạn chế (chiếm 6,7%).

Bảng 3: Mô tả kết quả phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý KBTB

Chỉ tiêu		Trung bình	Lớn nhất	Nhỏ nhất	Độ lệch chuẩn
Kế sinh nhai	Trước khi KBTB thành lập	4,75	7,00	2,00	1,16
	Ngày nay	5,03	8,00	2,00	1,34
An ninh lương thực - thực phẩm	Trước khi KBTB thành lập	5,38	8,00	2,00	1,46
	Ngày nay	5,17	8,00	2,00	1,26
Mâu thuẫn trong sử dụng nguồn lợi	Trước khi KBTB thành lập	5,38	7,00	3,00	0,99
	Ngày nay	5,37	7,00	3,00	0,97
Những mâu thuẫn của KBTB	Trước khi KBTB thành lập	6,08	8,00	3,00	1,48
	Ngày nay	5,12	8,00	2,00	1,54
Tham gia vào quản lý KBTB	Trước khi KBTB thành lập	1,08	2,00	1,00	0,28
	Ngày nay	1,87	8,00	1,00	1,77
Ảnh hưởng lên quản lý KBTB	Trước khi KBTB thành lập	1,15	3,00	1,00	0,40
	Ngày nay	1,83	8,00	1,00	1,82
An ninh trật tự	Trước khi KBTB thành lập	5,90	8,00	3,00	1,34
	Ngày nay	6,77	8,00	4,00	1,06
Tội phạm	Trước khi KBTB thành lập	6,05	8,00	3,00	1,17
	Ngày nay	6,72	9,00	4,00	1,09
Mâu thuẫn ở mức độ làng	Trước khi KBTB thành lập	6,20	9,00	4,00	1,16
	Ngày nay	6,53	9,00	5,00	1,07
Sự phục tùng/tuân thủ	Trước khi KBTB thành lập	3,88	7,00	2,00	1,42
	Ngày nay	7,75	9,00	6,00	0,79
Sức khỏe sinh thái	Trước khi KBTB thành lập	4,58	8,00	3,00	1,24
	Ngày nay	7,60	9,00	5,00	0,83
Đa dạng sinh học	Trước khi KBTB thành lập	4,68	7,00	3,00	1,21
	Ngày nay	7,82	9,00	6,00	0,75

Yếu tố ảnh hưởng lên quản lý KBTB cũng tương tự việc tham gia vào quản lý KBTB. Mức độ ảnh hưởng của cộng đồng dân cư địa phương lên quản lý KBTB cũng rất hạn chế. Mặc dù KBTB vịnh Nha Trang đã có sự nỗ lực cải thiện, nhưng mức độ cải thiện của yếu tố này cũng rất thấp (từ 1,2 điểm đến 1,8 điểm). Ngoài ra, qua kết quả phân tích nguyên nhân, cộng đồng dân cư địa phương cho rằng họ ít ảnh hưởng lên quản lý KBTB là do họ chưa được tham gia quản lý KBTB (chiếm 45%); không có cơ hội tham gia các cuộc họp của KBTB (chiếm 21%) và do những người quản lý KBTB chưa chú trọng đến các ý kiến đóng góp của cộng đồng dân cư địa phương (chiếm 33%).

Xét yếu tố sự phục tùng / tuân thủ các quy định quản lý nguồn lợi, đây là yếu tố mà mức độ cải thiện được đánh giá rất cao. Trước khi KBTB thành lập, sự phục tùng / tuân thủ các quy định quản lý nguồn lợi chỉ ở mức độ rất thấp (trung bình là 3,9 điểm). Nhưng ngày nay, nhờ sự tồn tại của KBTB vịnh Nha Trang mà sự phục tùng / tuân thủ các quy định quản lý nguồn lợi đã được cải thiện rất nhiều (trung bình là 7,8 điểm).

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

KBTB vịnh Nha Trang được thành lập với 2 mục tiêu chính và đã thực hiện tương đối tốt mục tiêu bảo tồn mô hình điển hình về ĐDSH biển ở KBTB vịnh Nha Trang. Tuy nhiên, mục tiêu giúp các cộng đồng dân cư nâng cao đời sống và cộng tác với các bên liên quan khác thì kết quả mang lại chưa như mong đợi. Cụ thể, kế sinh nhai của cộng đồng dân cư địa phương chưa được cải thiện đáng kể, an ninh lương thực - thực phẩm có xu hướng giảm xuống theo sự đánh giá của họ. Việc tham gia vào quản lý KBTB và ảnh hưởng lên quản lý KBTB cũng chưa có kết quả tốt. Hầu như cộng đồng dân cư địa phương ít tham gia vào bất cứ cuộc họp nào về quản lý KBTB và không có ảnh hưởng nhiều lên quản lý KBTB.

2. Khuyến nghị

Trong thời gian vừa qua, mặc dù Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang đã có rất nhiều nỗ lực nhưng kết quả đạt được vẫn còn nhiều hạn chế. Dưới đây là một số đề xuất ban đầu của các tác giả:

Tạo kế sinh nhai thay thế / bổ sung cho cộng đồng dân cư địa phương ở các nhóm đảo.

- Thành lập hợp tác xã khai thác thủy sản cho cộng đồng dân cư địa phương. Hợp tác xã có nhiệm vụ tổ chức khai thác và tiêu thụ sản phẩm khai thác được nhằm tránh hiện

tượng ngư dân bị ép giá như hiện nay.

- Có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn KBTB vịnh Nha Trang.

- Phát triển nhiều hoạt động du lịch có sự tham gia của cộng đồng, mang lại nhiều công việc mới cho người dân.

- Cho phép, hướng dẫn và hỗ trợ đào tạo kỹ thuật cho người dân địa phương tham gia vào các hoạt động nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch nhằm tạo nguồn thu nhập ổn định cho các hộ gia đình.

- Cho phép khách du lịch vào tham quan và cư trú ngắn hạn tại các cộng đồng dân cư để tạo thêm công ăn việc làm cho người dân địa phương.

Quảng bá hình ảnh của KBTB vịnh Nha Trang ra Thế giới

Hiện nay internet là một phương tiện truyền thông tin cực kỳ hữu hiệu. Vì vậy, cần tận dụng triệt để internet để quảng bá hình ảnh của KBTB ra Thế giới.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào quản lý KBTB.

Để thực hiện được điều này, KBTB vịnh Nha Trang nói riêng và các KBTB khác ở Việt Nam nói chung cần thay đổi cơ chế quản lý theo hướng “đồng quản lý” để chia sẻ lợi ích và trách nhiệm nhiều hơn cho cộng đồng dân cư địa phương.

Nâng cao trình độ văn hóa, nhận thức cho cộng đồng dân cư địa phương.

Để nâng cao trình độ văn hóa cho cộng đồng dân cư địa phương, vấn đề trước mắt là chính quyền địa phương cần phải sớm xây dựng các trường cấp II ở một số khóm đảo đông dân và xa đất liền như Bích Đầm, Vũng Ngán. Học sinh các khóm đảo lân cận vào các trường này để học, giảm bớt khoảng cách đi lại cho học sinh.

Tăng cường xây dựng các cơ sở hạ tầng khác cho các khóm đảo

Để giảm bớt những khó khăn về cơ sở hạ tầng hiện tại cho cộng đồng dân cư, tác giả đề xuất một số giải pháp sau:

- Ở một số khóm đảo có điều kiện thuận lợi về nguồn nước ngọt từ các khe núi, chính quyền địa phương và Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang cần kết hợp để xây dựng hồ chứa nước cung cấp nước cho cộng đồng dân cư địa phương. Ở một số khóm đảo còn lại, chính quyền địa phương và Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang nên hỗ trợ cho mỗi hộ gia đình 1 hoặc 2 bể chứa nước mưa lớn hơn nữa đủ để cộng đồng dân cư địa phương có được nguồn nước sinh hoạt ổn định.

- Thành lập chợ cung cấp lương thực - thực phẩm cho cộng đồng dân cư địa phương. Tuy nhiên, để xem xét lựa chọn khóm đảo nào nên thành lập chợ, khóm đảo nào không nên, đòi hỏi phải có những nghiên cứu sâu hơn, xem xét nhiều khía cạnh hơn.

- Thực hiện các chương trình hỗ trợ về giao thông, đi lại cho cư dân trong vùng như mở rộng các con đường đi trong khóm, làm đường quanh biển, làm bờ kè chống xói lở,...

Tạo nguồn tài chính ổn định cho Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang.

Để tạo nguồn tài chính ổn định, Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang cần đầu tư mạnh hơn nữa để khai thác hết tiềm năng du lịch ở các khóm đảo. Đồng thời nguồn thu nhập phải được phân phối công bằng giữa cộng đồng dân cư địa phương và Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang, chỉ dành một phần cho hoạt động của Ban quản lý KBTB, phần còn lại phải dành cho các hoạt động phục vụ cộng đồng dân cư địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ban quản lý KBTB vịnh Nha Trang (2008).** Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam. Tài liệu KBTB vịnh Nha Trang, Khánh Hòa.
2. **Hồ Văn Trung Thu (2005).** Báo cáo về kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư địa phương trong KBTB Hòn Mun. Tài liệu KBTB Hòn Mun, Khánh Hòa.
3. **Kenchington and Ch'ng (1994).** Overview of Marine Protected Area Management. GBR, Queensland, Australia.
4. **Robert S. Pomeroy, John E. Parks and Lani M. Watson (2004).** How is your MPA doing? A Guidebook of Natural and Social Indicators for Evaluating Marine Protected Area Management Effectiveness. IUCN.

A STUDY OF NHA TRANG BAY MARINE PROTECTED AREA'S MANAGEMENT EFFECTIVENESS

NGUYEN THI KIM ANH, TRAN KHANH

***Summary:** The Nha Trang Bay Marine Protected Area (MPA) was established since 2002. Its objective is "To protect marine biodiversity environment and to enable local island communities to improve their livelihoods and in partnership with other stakeholders to effectively protect and manage the marine biodiversity in Nha Trang Bay as a model for collaborative MPA management in Vietnam." After a period of operating, to consider whether the Nha Trang Bay MPA achieves the objectives, a study of Nha Trang bay MPA's management effectiveness has been developed. With the associating of 3 study methods: taking*

expert advice, social survey and descriptive statistics, the authors have investigated 4 island villages: Bich Dam, Vung Ngan, Hon Mot and Dam Bay through face to face and deep interviews in the end of 2008. The results show that with the objective to protect marine biodiversity, the MPA has been done well. However, the other objective to enable local island communities to improve their livelihoods has fallen short of its expectations.

Keyword: *Management Effectiveness, Marine Biodiversity, Marine Protected Area (MPA)*

Ngày nhận bài: 25 - 8 - 2009

Địa chỉ: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Người nhận xét: PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi